

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/DS-ST

Ngày: 09/7/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Nhân

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu vực 2, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu vực 2, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà V, bị đơn bà M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/04/2021, bản tự khai và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Phan Thị Bích V trình bày: Do bà và bà Huỳnh Thị Tuyết M là hàng xóm nên bà có cho bà M vay tiền nhiều lần, nhằm mục đích để bà M mua phân bón làm ruộng. Bà cho bà M vay lần đầu số tiền 85.600.000đồng bà M có ký “Biên nhận nợ tiền vay” ngày 30/9/2020 cho bà, nhưng khoản vay này bà M đã trả xong. Đến ngày 15/12/2020 bà M vay tiếp số tiền 110.000.000đồng, cùng ngày bà M viết cho bà “Biên bản nhận nợ tiền vay”

và cam kết đến ngày 15/2/2021 sẽ trả hết, khi vay có thỏa thuận lãi suất miệng là 70.000đồng/1.000.000đồng/tháng. Từ khi vay đến nay, bà M chưa trả được cho bà số tiền vốn và lãi.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả số tiền vốn 110.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện đến khi giải quyết. Tại phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ và tại phiên tòa: Bà V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trả số tiền vốn 110.000.000đồng (không yêu cầu tính lãi).

Bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M trình bày: Bà thừa nhận do quen biết nên bà có vay tiền của bà Phan Thị Bích V nhiều lần, vay tiền nhằm mục đích để chơi hụi với mẹ của bà V. Khi vay từng lần thì không có biên nhận, đến khi cộng dồn lại số tiền vốn 50.000.000đồng thì bà có viết cho bà V biên nhận nợ 50.000.000đồng vào tháng 5/2019 (âm lịch), thỏa thuận lãi suất miệng là 80.000đồng/1.000.000đồng/tháng, bà đã thực hiện đóng lãi đầy đủ cho bà V. Nhưng sau đó, do bà không còn khả năng trả lãi nên từng tháng bà V kêu bà viết biên nhận nợ mới có tiền vốn cộng dồn tiền lãi; khi viết biên nhận mới thì các biên nhận cũ đều được xé bỏ. Đến ngày 30/9/2020 bà V có viết “biên nhận nợ tiền vay” nội dung bà có vay nợ của bà V số tiền 85.600.000đồng, bà có ký tên vào biên nhận, nhưng trong đó chỉ có 50.000.000đồng là tiền vốn, còn lại 35.600.000đồng tiền lãi, do bà có nghi ngờ bà V nên mới giữ biên nhận lại. Và các biên nhận tiếp theo là “Biên nhận nợ tiền vay” ngày 30/11/2020 số tiền 91.500.000đồng; “Biên nhận nợ tiền vay” ngày 15/12/2020 số tiền 97.900.000đồng và sau cùng là “Biên bản nhận nợ tiền vay” ngày 15/12/2020 số tiền 110.000.000đồng đều là khoản nợ của số tiền vốn 50.000.000đồng và tiền lãi cộng dồn theo từng tháng.

Bà M thừa nhận “Biên bản nhận nợ tiền vay” ngày 15/12/2020 số tiền 110.000.000đồng do bà V cung cấp là do bà viết, chữ ký tên “M” dưới tên Huỳnh Thị Tuyết M là do bà ký và viết tên.

Nay bị đơn bà M thống nhất còn nợ nguyên đơn bà V số tiền 110.000.000đồng và bà đồng ý trả số tiền 110.000.000đồng, nhưng ghi nhận trong đó có tiền vốn 50.000.000đồng và tiền lãi 60.000.000đồng. Bà yêu cầu xin trả dần hàng tháng số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền 110.000.000đồng.

Những tình tiết các đương sự đã thống nhất và không thống nhất đã được tiến hành đối chất, hòa giải như sau:

- Các đương sự thống nhất: Bị đơn bà M còn nợ nguyên đơn bà V số tiền 110.000.000đồng và đồng ý trả.

- Phần các đương sự không thống nhất: Nguyên đơn bà V cho rằng số tiền 110.000.000đồng là tiền vốn và yêu cầu bị đơn trả một lần; Bị đơn bà M cho rằng số tiền 110.000.000đồng chỉ có 50.000.000đồng là tiền vốn, còn lại 60.000.000đồng là tiền lãi và yêu cầu xin trả dần hàng tháng số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết số 110.000.000đồng.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà V giữ nguyên yêu cầu bị đơn bà M có nghĩa vụ trả số tiền 110.000.000 đồng (trả một lần) và rút lại yêu cầu tính tiền lãi; Bị đơn bà M thống nhất còn nợ bà V số tiền 110.000.000 đồng và đồng ý trả, nhưng ghi nhận trong đó có 50.000.000 đồng tiền vốn và 60.000.000 đồng tiền lãi và xin trả dần hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền 110.000.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả số tiền 110.000.000 đồng và đình chỉ xét xử về tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Bích V khởi kiện bà Huỳnh Thị Tuyết M có địa chỉ cư trú tại khu vực 2, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, bà V yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả số tiền vay, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà V rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Xét, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà V khởi kiện cho rằng ngày 15/12/2020 bà cho bà Huỳnh Thị Tuyết M vay số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 70.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, khi vay bà M có viết cho bà “Biên bản nhận nợ tiền vay” ngày 15/12/2020, kỳ hạn đến ngày 15/02/2021 phải trả xong. Từ khi vay đến nay, bà M chưa trả được khoản tiền vốn và lãi.

Nguyên đơn bà V cung cấp cho Tòa án chứng cứ là “Biên bản nhận nợ tiền vay” ngày 15/12/2020 (ký hiệu biên nhận A) nội dung biên nhận thể hiện “*Tôi tên Huỳnh Thị Tuyết M có vay số tiền của Bích V một trăm mười triệu đồng chẵn kỳ hạn từ 15-12-2020 đến ngày 15-2-2021 phải trả đủ số tiền gốc cho bà Phan Thị Bích V*”. Bị đơn bà M thừa nhận nội dung biên nhận trên là do bà viết, chữ ký “M” dưới tên Huỳnh Thị Tuyết M là do bà ký và viết tên, từ khi viết biên nhận đến nay bà chưa trả cho bà V được khoản tiền nào. Do đó, có căn cứ xác định bà M có vay và còn nợ bà V số tiền 110.000.000 đồng chưa trả, nên phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho bà V số tiền 110.000.000 đồng theo quy định tại các **Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật dân sự.**

[2.1] Xét, về ý kiến phản đối của bị đơn bà M cho rằng số tiền 110.000.000đồng, trong đó chỉ có 50.000.000đồng tiền vốn và còn lại là 60.000.000đồng tiền lãi được cộng dồn theo từng tháng. Bà M cung cấp chứng cứ là 04 biên nhận để chứng minh có tiền vốn cộng dồn tiền lãi như: “Biên nhận nợ tiền vay” đề ngày 30/9/2020 số tiền 85.600.000đồng (ký hiệu biên nhận 1); “Biên nhận nợ tiền vay” đề ngày 30/11/2020 số tiền 91.500.000đồng (ký hiệu biên nhận 2), “Biên nhận nợ tiền vay” đề ngày 15/12/2020 số tiền 97.900.000đồng (ký hiệu biên nhận 3), “Biên bản nhận nợ tiền vay” đề ngày 15/12/2020 số tiền 110.000.000đồng (ký hiệu biên nhận 4).

Nhận thấy, đối với biên nhận 1 (*bút lục 28*): Là biên nhận do nguyên đơn bà V viết, có chữ ký của cả bà V và bà M. Theo nội dung biên nhận thể hiện bà M có vay của bà V số tiền 85.600.000đồng kỳ hạn 04 tháng đến ngày 30/2/2021 phải trả hết “*tiền vốn*”. Như vậy, trong biên nhận chỉ thể hiện tiền vốn là 85.600.000đồng, không thể hiện tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi 35.600.000 đồng như bà M trình bày. Và theo nguyên đơn bà V xác nhận khoản vay này bà M đã trả xong và bà cũng không có yêu cầu gì.

Đối với biên nhận 2 (*bút lục 29*) và biên nhận 3 (*bút lục 30*): Hai biên nhận này là do bị đơn bà M viết và chỉ có chữ ký bà M; nguyên đơn bà V không thừa nhận có cho vay 02 khoản tiền này, vì bà không có ký xác nhận trong biên nhận và cũng không có yêu cầu gì. Theo nội dung 02 biên nhận cũng thể hiện “*tiền vốn*” số tiền 91.500.000 đồng và “*tiền gốc*” số tiền 97.900.000 đồng.

Đối với biên nhận 4 (*bút lục 31*): Biên nhận do bị đơn bà M viết, có chữ ký của bà M, biên nhận đề ngày “15/2/2020” có bôi xóa, sửa chữa chỗ tháng “2”. Các đương sự xác nhận ngày viết biên nhận đúng là ngày “15/12/2020”; biên nhận này là cùng số tiền vay 110.000.000đồng theo biên nhận A của bà V cung cấp. Lý do có hai biên nhận là do bà M có viết sai tháng, bôi xóa nên bà M viết lại biên nhận mới có cả bà M và bà V cùng ký tên và giao bà V giữ. Tuy nhiên, theo nội dung hai biên nhận cũng chỉ thể hiện “*tiền gốc*” là 110.000.000đồng, không thể hiện khoản tiền vốn và lãi như bà M trình bày.

Mặc khác, bị đơn bà M cho rằng theo biên nhận 1 ngày 30/9/2020 số tiền 85.600.000đồng, trong đó tiền vốn 50.000.000đồng và tiền lãi 35.600.000đồng; các tháng sau khi không đóng lãi thì tính lãi dồn lại và biên nhận sau cùng ngày 15/12/2020 là tính tiền lãi thêm 02 tháng đến ngày 15/02/2021 là tổng tiền lãi 60.000.000đồng. Tuy nhiên, theo lãi suất thỏa thuận miệng bà M khai 80.000đồng/1.000.000đồng/01tháng thì từ 30/9/2020 đến 15/02/2021 tính tròn 05 tháng thì số tiền lãi là 20.000.000đồng $[(50.000.000\text{đồng} \times 80.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}) \times 05\text{ tháng}]$, cộng thêm tiền lãi 35.600.000đồng của biên nhận 1 thì tổng tiền lãi là 55.600.000đồng cũng không trùng khớp số tiền lãi 60.000.000đồng bị đơn nêu ra.

Như vậy, từ những chứng cứ bị đơn bà M cung cấp và đối chiếu lời khai của đương sự thì không có cơ sở ghi nhận tiền vốn 50.000.000đồng và tiền lãi 60.000.000đồng theo ý kiến phản đối của bà M.

[2.3] Xét, về yêu cầu xin trả dần hàng tháng số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi hết số tiền 110.000.000 đồng của bị đơn bà M. Do nguyên đơn bà V không đồng ý cho bà M trả dần, nên không có cơ sở ghi nhận thỏa thuận các bên về việc trả dần. Bà M được quyền thỏa thuận thi hành án với bà V trong quá trình thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về yêu cầu bị đơn bà M có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 110.000.000 đồng.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà M phải chịu số tiền 5.500.000đồng, Nguyên đơn bà V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.750.000 đồng; theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Bích V. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Bích V số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*).

2. Đình chỉ xem xét giải quyết về phần tiền lãi suất của nguyên đơn bà Phan Thị Bích V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phan Thị Bích V (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án bà Huỳnh Thị Tuyết M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn bà Phan Thị Bích V được nhận lại số tiền 2.750.000đồng (*hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006350 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Nguyên đơn bà Phan Thị Bích V, bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. V;
- Cơ quan THADS TP. V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phương